

HƯỚNG DẪN VIẾT CÔNG THỨC TOÁN BẰNG NGÔN NGỮ LATEX

Sau đây là một số quy tắc viết công thức bằng ngôn ngữ LATEX như sau:

- Ngôn ngữ Latex phải được đặt giữa 2 cặp sau:

\$\$ Latex \$\$ hoặc \ (Latex \)

Ví dụ: $x^2+2x+1=0$ ----- > $x^2 + 2x + 1 = 0$

$\ (x^2+2x+1=0 \)$ ----- > $x^2 + 2x + 1 = 0$

- Dấu \ luôn đứng trước hàm số Latex. Nhóm các phần tử lại, phải được đặt trong dấu { }

Ví dụ: \sqrt{a} ----- > \sqrt{a}

$\sqrt{a+b}$ ----- > $\sqrt{a+b}$

- Một số công thức toán học thông dụng khi viết bằng ngôn ngữ Latex như sau:

\sqrt{a} ----- > \sqrt{a}

$\sqrt[a]{b}$ ----- > $\sqrt[a]{b}$

a_b ----- > a_b

a^b ----- > a^b

$\frac{a}{b}$ ----- > $\frac{a}{b}$

$\frac{a+b}{c+d}$ ----- > $\frac{a+b}{c+d}$

$a \leq b$ ----- > $a \leq b$

$a \geq b$ ----- > $a \geq b$

$a \approx b$ ----- > $a \approx b$

$a \pm b$ ----- > $a \pm b$

\mathbb{R} ----- > \mathbb{R}

$\sin(2a+b)$ ----- > $\sin(2a+b)$

$\cos x$ ----- > $\cos x$

∞ ----- > ∞

$(+\infty; -\infty)$ ----- > $(+\infty; -\infty)$

α α ----- β β

γ γ ----- λ λ

μ μ ----- φ φ

π π ----- Ω Ω